

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: **125/2017/HNGĐ-ST**
Ngày: 25-9-2017
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Duy Linh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Dương Thị Kim Hoa**

2. Bà **Trần Thị Đung**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Lê Hoàng** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:*** Ông **Phạm Tấn Hải** – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 19 tháng 9 năm 2017 và ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 67/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 342/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 ngày 8 tháng 2017 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 10/2017/QĐST-HNGĐ ngày 19 ngày 9 tháng 2017 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà **Võ Thị Mỹ D**, sinh năm: 1988;

Địa chỉ: Đường số 8, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. ***Bị đơn:*** Ông **Trần Sơn L**, sinh năm: 1986;

Địa chỉ: B12/6B6 ấp 2, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà D, ông L có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 12/10/2016, bản tự khai ngày 01/3/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn Bà Võ Thị Mỹ D trình bày:

Bà và Ông Trần Sơn L bắt đầu chung sống với nhau từ ngày 09/7/2011, do tự tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, bà phát hiện ông L còn quan hệ với người yêu cũ, ông L đánh bà và đập phá đồ đạc trong nhà. Bà và ông L đã sống ly thân với nhau từ tháng 5/2016 cho đến nay. Nay xét thấy không còn tình cảm, vợ chồng không thể hàn gắn với ông L nên bà yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà và ông L có một con chung tên Trần Chân H, sinh ngày 26/10/2013, hiện nay trẻ H đang sống chung với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ H. Thực tế chi phí nuôi trẻ Hưng bao gồm các khoản sau:

- Học phí: 1.500.000 đồng/tháng;
- Sữa, chi phí ăn uống: 1.500.000 đồng/tháng;
- Chi phí quần áo, sinh hoạt tinh thần: 2.000.000 đồng/tháng.

Bà yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi trẻ H 5.000.000 đồng/tháng. Trong trường hợp Tòa án giao con cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng thì bà sẽ cấp dưỡng nuôi con nếu ông L có yêu cầu.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà xác nhận không có.

Ngoài ra, bà không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 03/4/2017 và tại phiên tòa bị đơn Ông Trần Sơn L trình bày:

Ông và bà Võ Thị Mỹ D bắt đầu chung sống với nhau vào ngày 09/7/2011 do tự tìm hiểu đến với nhau, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 4/2016 thì ông phát hiện các tin nhắn và cuộc gọi của một người đàn ông là phụ huynh của học sinh bà D (bà D là giáo viên mầm non) nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Trong lúc cãi nhau do tức giận không kiềm chế được nên ông có đánh bà D nhưng không gây thương tích. Ông nhiều lần đề nghị với bà D hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng bà D không muốn hòa giải nên tại phiên tòa ông đồng ý ly hôn với bà D.

Về con chung: Ông và bà D có một con chung tên Trần Chân H, sinh ngày 26/10/2013, hiện nay trẻ H đang sống chung với bà D. Khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi trẻ H, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp Tòa án giao trẻ H cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng thì ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Ông xác nhận không có.

Ngoài ra, ông không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến giải quyết vụ án về nội dung như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ Điều 8, 9, 51, 56, 81 và 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Mỹ D với ông Trần Sơn L

- Về con chung: Hiện nay trẻ H đang sống cùng bà D, trẻ H còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ. Bà D hiện đang là giáo viên mầm non nên có đủ điều kiện chăm sóc trẻ H nên đề nghị Hội đồng xét xử giao trẻ Trần Chân H, sinh ngày 26/10/2013 cho Bà Võ Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng. Xét điều kiện kinh tế của ông L và các chi phí thực tế nuôi con, buộc ông L cấp dưỡng nuôi trẻ H 2.500.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Bà Võ Thị Mỹ D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Sơn L. Ông L có nơi cư trú tại huyện D nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Bà Võ Thị Mỹ D và ông Trần Sơn L chung sống có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 113 quyền số 01/2011 ngày 13/6/2011. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông L là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.”*

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà D và ông L trình bày ông và bà chung sống thiếu sự tin tưởng lẫn nhau, không thông cảm và chia sẻ nhau trong

cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để bà D và ông L đoàn tụ nhưng không thành. Tại phiên tòa, ông L cũng đồng ý ly hôn với bà D. Điều này chứng tỏ giữa bà D và ông L đã không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được thì cuộc sống chung cũng không còn ý nghĩa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D và ông L.

[6] Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Trần Chấn H, sinh ngày 26/10/2013.

[7] Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

[8] Theo xác nhận của trường mầm non TT, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thì Bà Võ Thị Mỹ D hiện đang là giáo viên của trường và trẻ Trần Chấn H hiện đang là học sinh lớp 4-5 tuổi của trường. Tại phiên tòa, bà D và ông L đều xác nhận hiện nay trẻ H đang do bà D chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, nhằm bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho trẻ H, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ Trần Chấn H cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trẻ H trưởng thành hoặc khi ông L có yêu cầu khác.

[9] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm nghĩa vụ của cả bà D và ông L. Để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho cháu Trần Chấn H có cuộc sống đảm bảo cũng như phát triển bình thường. Hội đồng xét xử cần xem xét đến điều kiện kinh tế của mỗi người để áp dụng mức cấp dưỡng cho phù hợp với thực tế.

[10] Khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, ...”*.

[11] Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*

[12] Đối với đề nghị của ông L không đồng ý cấp dưỡng, Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay bà D phải nuôi con nhỏ những điều kiện tối thiểu như bà trình bày bao gồm tiền học phí, tiền sữa, quần áo và tinh thần với tổng chi phí là 5.000.000 đồng thì việc ông L không cấp dưỡng nuôi con không thể đảm bảo cho cháu Trần Chấn H. Theo tài liệu chứng cứ ông L cung cấp thì lương tháng của ông là 17.000.000 đồng/tháng, nếu buộc ông L phải chu cấp 5.000.000 đồng/ tháng sẽ không đảm bảo sinh hoạt của ông L. Do đó không chấp nhận đề nghị cấp dưỡng của bà D. Hội đồng xét xử căn cứ vào chi phí thực tế nuôi con của bà D cũng như áp dụng mức lương tối thiểu vùng tại Thành phố Hồ Chí Minh để xác định mức cấp dưỡng nuôi con của ông L. Theo Nghị định 153/2016/NĐ-CP ngày 14/11/2016 của Chính phủ quy định về mức lương tối thiểu theo vùng thì Thành phố Hồ Chí Minh (vùng 1) có mức lương tối thiểu là 3.750.000 đồng/tháng. Xét điều kiện kinh tế của ông L và các chi phí thực tế nuôi trẻ H, Hội đồng xét xử xét thấy cần chia đôi chi phí nuôi trẻ H mỗi người

chịu 1/2, buộc Ông Trần Sơn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ H 2.500.000 đồng/tháng.

[13] Từ phân tích trên Hội đồng xét xử buộc ông L phải cấp dưỡng nuôi con chung là trẻ Trần Chấn H với mức cấp dưỡng 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi trẻ H trưởng thành.

[14] Về tài sản chung: Bà D và ông L xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[15] Về nợ chung: Bà D và ông L xác nhận không có.

[16] Về án phí: Bà Võ Thị Mỹ D chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và ông Trần Sơn L chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Khoản 1 Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà Võ Thị Mỹ D đối với Ông Trần Sơn L

1.1. Bà Võ Thị Mỹ D được ly hôn với Ông Trần Sơn L.

1.2. Giấy chứng nhận kết hôn số 113 Quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/6/2011 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

2.1. Giao trẻ Trần Chấn H, sinh ngày 26/10/2013 cho Bà Võ Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ông Trần Sơn L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi trẻ Trần Chấn H mỗi tháng 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng), việc cấp dưỡng được thực

hiện vào ngày 01 (một) dương lịch của tháng cho đến khi trẻ H trưởng thành. Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng từ ngày 01/10/2017.

Các bên giao nhận tiền cấp dưỡng tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp ông L chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

2.3. Ông L có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

4. Về án phí:

4.1. Bà Võ Thị Mỹ D chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà bà D đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0021644 ngày 217/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D đã nộp đủ án phí.

4.2. Ông Trần Sơn L chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà D và ông L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H. BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- UBND phường A, quận B,

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

TPHCM;

- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT.

Đỗ Thị Duy Linh